

Môn học : Nghiệp vụ quản lý kho hàng - MH1104239

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phân: 25211MH110423901 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Lương Nguyễn Hoài Linh - (04131)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: 5/3/2026 Giờ thi: 10h Phòng thi: A1.10

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410150008	Nguyễn Ngọc Thu An	09/10/2005	C26LG1				
2	2410150015	Nguyễn Nhật An	18/10/2006	C26LG1	An	7	bảy	
3	2410150026	Hoàng Lâm Quốc Bảo	14/05/2006	C26LG1	Bao	7	bảy	
4	2410150016	Lê Trần Gia Bảo	14/08/2006	C26LG1	Bao	10	mười	
5	2410150014	Nguyễn Ngọc Diệu	22/10/2006	C26LG1	Dieu	8	tám	
6	2410010001	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	20/10/2004	C26LG1	Duy	10	mười	
7	2410150004	Nguyễn Đạt	29/7/2006	C26LG1	Dat	7	bảy	
8	2410150028	Lê Trần Hoàng Gia	09/01/2005	C26LG1	Gia	7,5	bảy, năm	
9	2410150022	Trần Gia Hân	26/08/2006	C26LG1	Han	8	tám	
10	2410150030	Nguyễn Thanh Khiêm	14/10/2006	C26LG1	Khiem	7,5	bảy, năm	
11	2410150021	Lê Bá Đăng Khoa	18/12/2006	C26LG1	Khoa	7	bảy	
12	2410150023	Phạm Anh Khôi	23/10/2006	C26LG1	Khoi	7,5	bảy, năm	
13	2410150013	Võ Thị Kiều Lam	20/11/2006	C26LG1	Lam	8	tám	
14	2410150011	Phạm Thị Yến Nhi	22/09/2006	C26LG1	Nhi	8	tám	
15	2410150020	Lê Hữu Nhựt	19/10/2005	C26LG1	Nhut	7	bảy	
16	2410150024	Nguyễn Minh Tấn	02/05/2006	C26LG1	Tan	7	bảy	
17	2410150018	Nguyễn Ngọc Thảo	27/10/2006	C26LG1	Thao	7	bảy	
18	2410150009	Phạm Thị Thạch Thảo	31/10/2006	C26LG1	Thao	10	mười	
19	2410010013	Ngô Thiên Thuận	10/11/2006	C26LG1	Thuan	7	bảy	
20	2410150002	Lê Anh Thư	19/01/2003	C26LG1	Thu	10	mười	
21	2410150029	Trần Thị Thanh Trúc	22/07/2005	C26LG1	Thanh	10	mười	
22	2410150010	Nguyễn Đăng Trường	12/10/2003	C26LG1	Truong	7,5	bảy, năm	
23	2410150025	Ông Thị Mỹ Tú	25/10/2006	C26LG1	Tu	8	tám	
24	2410150006	Nguyễn Hồ Phương Uyên	23/04/2006	C26LG1	Uyen	7	bảy	
25	2410150017	Phạm Ngọc Đan Vy	23/08/2006	C26LG1	Vy	7	bảy	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 24 vắng thi: 1 . Số bài thi: 24 / 24 .

Ngày 11 tháng 3 năm 2026

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

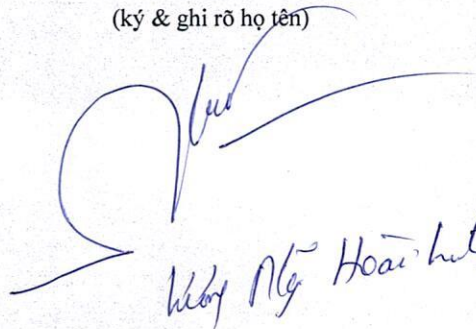


Trương Phi Sơn.

Ngày 10 tháng 3 năm 2026

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



Ngô Hoài Linh

TRƯ
PHÒ
VÀ BA

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Nghiệp vụ quản lý kho hàng - MH1104239

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 25211MH110423901 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Lương Nguyễn Hoài Linh - (04131)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: 13/2/2026 Giờ thi: 8h Phòng thi: A1.10

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410150008	Nguyễn Ngọc Thu An	09/10/2005	C26LG1				
2	2410150015	Nguyễn Nhật An	18/10/2006	C26LG1	<i>Cen</i>	6,8	Sáu, tám	
3	2410150026	Hoàng Lâm Quốc Bảo	14/05/2006	C26LG1	<i>Bao</i>	6,5	Sáu, năm	
4	2410150016	Lê Trần Gia Bảo	14/08/2006	C26LG1	<i>Mauc</i>	10	mười	
5	2410150014	Nguyễn Ngọc Diệu	22/10/2006	C26LG1	<i>Di</i>	9	chín	
6	2410010001	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	20/10/2004	C26LG1	<i>Me</i>	10	mười	
7	2410150004	Nguyễn Đạt	29/7/2006	C26LG1	<i>Dat</i>	8,5	tám, năm	
8	2410150028	Lê Trần Hoàng Gia	09/01/2005	C26LG1	<i>Go</i>	8	tám	
9	2410150022	Trần Gia Hân	26/08/2006	C26LG1	<i>Tr</i>	8,5	tám, năm	
10	2410150030	Nguyễn Thanh Khiêm	14/10/2006	C26LG1	<i>Kien</i>	8	tám	
11	2410150021	Lê Bá Đăng Khoa	18/12/2006	C26LG1	<i>Khoa</i>	7	bảy	
12	2410150023	Phạm Anh Khôi	23/10/2006	C26LG1	<i>Anh</i>	6,5	Sáu, năm	
13	2410150013	Võ Thị Kiều Lam	20/11/2006	C26LG1	<i>Le</i>	9,5	chín, năm	
14	2410150011	Phạm Thị Yến Nhi	22/09/2006	C26LG1	<i>Yn</i>	9	chín	
15	2410150020	Lê Hữu Nhựt	19/10/2005	C26LG1	<i>Nhuc</i>	7	bảy	
16	2410150024	Nguyễn Minh Tấn	02/05/2006	C26LG1	<i>Tan</i>	6,8	Sáu, tám	
17	2410150018	Nguyễn Ngọc Thảo	27/10/2006	C26LG1	<i>Th</i>	6,8	Sáu, tám	
18	2410150009	Phạm Thị Thạch Thảo	31/10/2006	C26LG1	<i>Th</i>	8,8	tám, tám	
19	2410010013	Ngô Thiên Thuận	10/11/2006	C26LG1	<i>Thuc</i>	8,5	tám, năm	
20	2410150002	Lê Anh Thư	19/01/2003	C26LG1	<i>Anh</i>	10	mười	
21	2410150029	Trần Thị Thanh Trúc	22/07/2005	C26LG1	<i>Thanh</i>	9	chín	
22	2410150010	Nguyễn Đăng Trường	12/10/2003	C26LG1	<i>Truong</i>	7,5	bảy, năm	
23	2410150025	Ông Thị Mỹ Tú	25/10/2006	C26LG1	<i>My</i>	8,5	tám, năm	
24	2410150006	Nguyễn Hồ Phương Uyên	23/04/2006	C26LG1	<i>Uy</i>	6,5	Sáu, năm	
25	2410150017	Phạm Ngọc Đan Vy	23/08/2006	C26LG1	<i>Vo</i>	7	bảy	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 24 vắng thi: 1 . Số bài thi: 24 / 24 .

Ngày 16 tháng 5 năm 2026.

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

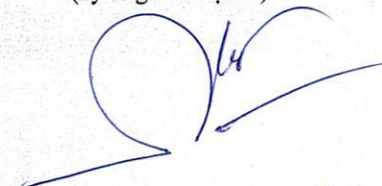
(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Thị Hoa

Ngày 15 tháng 5 năm 2026

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Lucy Ng. Hoa. Li

TP
P
V

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Nghiệp vụ quản lý kho hàng - MH1104239

Mã lớp học phần: 25211MH110423901 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Lương Nguyễn Hoài Linh - (04131)

Ngày thi: 5/3/2026 Giờ thi: 10h Phòng thi: A1.10

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410150041	Nguyễn Duyên Anh	28/05/2006	C26LG2		7,5	bảy, năm	
2	2410150049	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	29/11/2006	C26LG2				
3	2410150043	Nguyễn Đức Hoàng Dương	18/02/2003	C26LG2		7	bảy	
4	2410150031	Thị Cẩm Giang	04/11/2006	C26LG2		8,5	tám, năm	
5	2410150044	Trịnh Nguyễn Đức Hòa	24/05/2006	C26LG2		3	ba	
6	2410100011	Phan Văn Khải	21/10/2005	C26LG2		8,5	tám, năm	
7	2410150034	Huỳnh Thị Ngọc Khánh	10/09/2006	C26LG2		8,5	tám, năm	
8	2410150039	Trần Hoàng Bảo Luân	18/06/2006	C26LG2		3	ba	
9	2410150038	Nguyễn Thành Luông	06/03/2006	C26LG2		3	ba	
10	2410150036	Võ Thị Như Ngọc	10/06/2006	C26LG2		7	bảy	
11	2410150050	Phan Yến Nhi	20/12/2005	C26LG2				
12	2410150045	Nguyễn Phan Minh Nhựt	30/08/2006	C26LG2		3	ba	
13	2410150055	Nguyễn Trần Minh Tân	05/06/2005	C26LG2				
14	2410150032	Danh Thị Hồng Thái	24/07/2006	C26LG2		8,5	tám, năm	
15	2410150047	Đặng Thị Mỹ Tiên	22/05/2005	C26LG2		7	bảy	
16	2410150051	Đặng Huỳnh Thanh Trúc	25/12/2006	C26LG2		7	bảy	
17	2410170040	Nguyễn Khánh Vi	18/12/2004	C26LG2		8,5	tám, năm	
18	2410160018	Nguyễn Thị Kiều Vi	20/08/2006	C26LG2		10	mười	
19	2410150033	Lê Nguyễn Như Ý	17/02/2006	C26LG2		7	bảy	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 16 vắng thi: 3 Số bài thi: 16 / 16

Ngày: 11 tháng 3 năm 2026

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Ngày: 11 tháng 3 năm 2026

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Huỳnh Ngọc Hòa

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Nghiệp vụ quản lý kho hàng - MH1104239

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 25211MH110423901 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Lương Nguyễn Hoài Linh - (04131)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: 13/12/2024 Giờ thi: 10h Phòng thi: A1.10

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410150041	Nguyễn Duyên Anh	28/05/2006	C26LG2		8	tám	
2	2410150049	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	29/11/2006	C26LG2				
3	2410150043	Nguyễn Đức Hoàng Dương	18/02/2003	C26LG2		8	tám	
4	2410150031	Thị Cẩm Giang	04/11/2006	C26LG2		9,5	chín rưỡi	
5	2410150044	Trịnh Nguyễn Đức Hòa	24/05/2006	C26LG2		6	sáu	
6	2410100011	Phan Văn Khải	21/10/2005	C26LG2		7,8	bảy tám	
7	2410150034	Huỳnh Thị Ngọc Khánh	10/09/2006	C26LG2		8,3	tám ba	
8	2410150039	Trần Hoàng Bảo Luân	18/06/2006	C26LG2		6	sáu	
9	2410150038	Nguyễn Thành Luông	06/03/2006	C26LG2		6	sáu	
10	2410150036	Võ Thị Như Ngọc	10/06/2006	C26LG2		7	bảy	
11	2410150050	Phan Yến Nhi	20/12/2005	C26LG2				
12	2410150045	Nguyễn Phan Minh Nhựt	30/08/2006	C26LG2		6,3	sáu ba	
13	2410150055	Nguyễn Trần Minh Tân	05/06/2005	C26LG2				
14	2410150032	Danh Thị Hồng Thái	24/07/2006	C26LG2		8,3	tám ba	
15	2410150047	Đặng Thị Mỹ Tiên	22/05/2005	C26LG2		7	bảy	
16	2410150051	Đặng Huỳnh Thanh Trúc	25/12/2006	C26LG2		7	bảy	
17	2410170040	Nguyễn Khánh Vi	18/12/2004	C26LG2		10	mười	
18	2410160018	Nguyễn Thị Kiều Vi	20/08/2006	C26LG2		8,3	tám ba	
19	2410150033	Lê Nguyễn Như Ý	17/02/2006	C26LG2		9	chín	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 16 vắng thi: 3 Số bài thi: 16 / 16

Ngày 16 tháng 3 năm 2026

Ngày 15 tháng 3 năm 2026

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

(ký & ghi rõ họ tên)

Lương Nguyễn Hoài Linh

TRƯỜNG CĐBC CÔNG NGHỆ VÀ QTDN

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO
VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Nghiệp vụ quản lý kho hàng - MH1104239

Giám thị 1: Lương Nguyễn Hoài Linh

Ký tên: 

Mã lớp học phần: 25211MH110423901 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: Lê Thành Huy

Ký tên: 

Giảng viên giảng dạy: Lương Nguyễn Hoài Linh

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Ngày thi: 27/03/2026

Giờ thi: 07h45

Phòng thi: A1.12

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410150015	Nguyễn Nhật An	18/10/2006		1	8,5	tám, năm	C26LG1	
2	2410150041	Nguyễn Duyên Anh	28/05/2006		1	8	tám	C26LG2	
3	2410150026	Hoàng Lâm Quốc Bảo	14/05/2006		1	5,5	năm, năm	C26LG1	
4	2410150016	Lê Trần Gia Bảo	14/08/2006		1	7,8	bảy, tám	C26LG1	
5	2410150014	Nguyễn Ngọc Diệu	22/10/2006		1	4,5	bốn, năm	C26LG1	
6	2410010001	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	20/10/2004		1	8,8	tám, tám	C26LG1	
7	2410150043	Nguyễn Đức Hoàng Dương	18/02/2003		1	8,5	tám, năm	C26LG2	
8	2410150004	Nguyễn Đạt	29/7/2006		1	7	bảy	C26LG1	
9	2410150028	Lê Trần Hoàng Gia	09/01/2005		1	8,5	tám, năm	C26LG1	
10	2410150031	Thị Cẩm Giang	04/11/2006		1	5,8	năm, tám	C26LG2	
11	2410150022	Trần Gia Hân	26/08/2006		1	5,5	năm, năm	C26LG1	
12	2410100011	Phan Văn Khải	21/10/2005		1	4	bốn	C26LG2	
13	2410150034	Huỳnh Thị Ngọc Khánh	10/09/2006		1	6,3	sáu, ba	C26LG2	
14	2410150030	Nguyễn Thanh Khiêm	14/10/2006		1	4,8	bốn, tám	C26LG1	
15	2410150021	Lê Bá Đăng Khoa	18/12/2006		1	5	năm	C26LG1	
16	2410150023	Phạm Anh Khôi	23/10/2006		1	5,5	năm, năm	C26LG1	
17	2410150013	Võ Thị Kiều Lam	20/11/2006		1	9	chín	C26LG1	
18	2410150039	Trần Hoàng Bảo Luân	18/06/2006		1	3,5	ba, năm	C26LG2	
19	2410150036	Võ Thị Như Ngọc	10/06/2006		1	7	bảy	C26LG2	
20	2410150011	Phạm Thị Yến Nhi	22/09/2006		1	7	bảy	C26LG1	
21	2410150020	Lê Hữu Nhật	19/10/2005		1	5,5	năm, năm	C26LG1	
22	2410150045	Nguyễn Phan Minh Nhật	30/08/2006		1	5,8	năm, tám	C26LG2	
23	2410150024	Nguyễn Minh Tấn	02/05/2006		1	6,5	sáu, năm	C26LG1	
24	2410150018	Nguyễn Ngọc Thảo	27/10/2006		1	6,3	sáu, ba	C26LG1	
25	2410150009	Phạm Thị Thạch Thảo	31/10/2006		1	7	bảy	C26LG1	
26	2410150032	Danh Thị Hồng Thái	24/07/2006		1	3,5	ba, năm	C26LG2	
27	2410010013	Ngô Thiên Thuận	10/11/2006		1	8,8	tám, tám	C26LG1	
28	2410150002	Lê Anh Thư	19/01/2003		1	8,5	tám, năm	C26LG1	
29	2410150047	Đặng Thị Mỹ Tiên	22/05/2005		1	6	sáu	C26LG2	
30	2410150051	Đặng Huỳnh Thanh Trúc	25/12/2006		1	4	bốn	C26LG2	
31	2410150029	Trần Thị Thanh Trúc	22/07/2005		1	8	tám	C26LG1	
32	2410150010	Nguyễn Đăng Trường	12/10/2003		1	7	bảy	C26LG1	
33	2410150025	Ông Thị Mỹ Tú	25/10/2006		1	8	tám	C26LG1	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
34	2410150006	Nguyễn Hồ Phương Uyên	23/04/2006		1	5.5	năm, năm	C26LG1	
35	2410170040	Nguyễn Khánh Vi	18/12/2004		1	7.5	bảy, năm	C26LG2	
36	2410160018	Nguyễn Thị Kiều Vi	20/08/2006		1	6.8	sáu, tám	C26LG2	
37	2410150017	Phạm Ngọc Đan Vy	23/08/2006		1	2.5	hai, năm	C26LG1	
38	2410150033	Lê Nguyễn Như Ý	17/02/2006		1	7	bảy	C26LG2	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 38 vắng thi: 0 . Số bài thi/Số tờ: 38 / 38 .

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày 4 tháng 4 năm 2026

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Phú Sơn

Ngày 20 tháng 3 năm 2026

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lương Ng. Hoài Linh

